

XUNG HÔ KHI GIAO TIẾP CỦA TRẺ EM NHÌN TỪ GÓC ĐỘ VAI GIAO TIẾP TRONG VĂN BẢN ĐỌC SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT LỚP 1, 2, 3 BỘ SÁCH “KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG”

Lưu Thị Lan, Lê Hồng Vân
Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Hải Phòng
Email: lanlt82@dhhp.edu.vn
Vũ Thị Vân
Trường THCS Ngũ Phúc
Nguyễn Văn Thi
Trường THCS Hồng Phong

Ngày nhận bài: 21/3/2023

Ngày PB đánh giá: 08/9/2023

Ngày duyệt đăng: 20/10/2023

TÓM TẮT: Bài viết tập trung khảo sát cách xưng hô của thiếu nhi nhìn từ góc độ vai giao tiếp qua các văn bản đọc sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1, 2, 3 bộ “Kết nối tri thức với cuộc sống” từ các phương diện: từ ngữ xưng hô của trẻ em trong các cặp vai: 1/ cặp vai trên - vai dưới (thể hiện ở tương tác giữa người lớn và trẻ em); 2/ cặp vai ngang (thể hiện ở nhân vật trẻ em với trẻ em). Từ kết quả khảo sát và phân loại 123 cuộc thoại, bài viết tổng hợp được 57 cuộc thoại giữa nhân vật người lớn với trẻ em và 66 cuộc thoại giữa các nhân vật trẻ em với nhau. Ứng với các cặp vai, từ ngữ xưng hô của nhân vật người lớn với trẻ em có 3 kiểu xưng và 6 kiểu hô; từ ngữ xưng của các nhân vật trẻ em có 4 kiểu xưng và 6 kiểu hô. Từ phân tích đặc điểm xưng hô, bài viết khẳng định rằng từ ngữ xưng hô của người lớn và trẻ em, trẻ em và trẻ em tập trung vào 2 kiểu xưng hô là xưng hô bằng danh từ thân tộc và xưng hô bằng đại từ nhân xưng. Điều này thể hiện được toàn bộ đời sống tinh thần, sự hồn nhiên, ngây thơ của trẻ và phù hợp với tâm lí, phạm vi tương tác xưng hô của các nhân vật với trẻ em.

Từ khóa: xưng hô, giao tiếp, trẻ em, vai giao tiếp, sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1, 2, 3

VOCATIVES IN CHILDREN'S COMMUNICATIONS SEEN THROUGH THEIR COMMUNICATION ROLES IN READING TEXTS IN VIETNAMESE TEXTBOOKS OF GRADES 1, 2, 3 IN THE SERIES “CONNECTING KNOWLEDGE TO LIFE”

ABSTRACT: The article examines children's use of vocatives seen through communication roles with examples from reading texts in Vietnamese textbooks of

grades 1, 2, 3 of the series "Connecting knowledge to life" by looking at the children's vocatives in: 1/ vertical pairs of roles (shown in adult-child interactions); 2/ horizontal pairs of roles (shown in child-to-child interactions). The survey of 123 conversations includes 57 conversations between adult and child characters and 66 conversations between child characters. In accordance with the pairs of roles, adult characters use 3 types of vocatives for themselves and 6 types of vocatives to address children; while child characters use 4 types for themselves and 6 types for adult characters. The analysis of their uses of vocatives confirms that the addressing words of adults and children, children and children are concentrated into two types of address, namely, by kinship nouns and by personal pronouns. This shows the whole innocent spiritual life of children and reflects the psychology and scope of the child characters' conversations.

Keywords: vocatives, communication, children, communication roles, Vietnamese textbooks of grades 1, 2, 3

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Xung hô trong giao tiếp là một nghi thức quan trọng, là cách chỉ thị ngôi nhân xưng, nhờ đó mà quy chiếu được các nhân vật tham gia giao tiếp. Đây cũng là điều kiện đầu tiên, quan trọng nhất trong việc nhận diện và xác lập vai giao tiếp của đối tượng. Các mối quan hệ cá nhân (vị thế xã hội, vai giao tiếp), các nhân tố xã hội (như tuổi tác, giới tính, trình độ, nghề nghiệp, tôn giáo, vùng miền,...) và ngôn ngữ chi phối đến việc lựa chọn xung hô trong từng cuộc thoại. Theo đó, đối với trẻ em cũng vậy, xung hô không chỉ là bài học đầu đời mà còn là “lẽ” trong ứng xử từ gia đình đến xã hội.

1.2. Sách Tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 3 gồm 6 quyển, sách của mỗi khối đều được chia thành 2 tập tương ứng với 2 học kì. Bộ sách lấy điểm nhìn từ người học để xây dựng hệ thống chủ

điểm (mở dần từ bản thân, gia đình, nhà trường, đến thiên nhiên, đất nước, con người v.v...). Ngữ liệu đọc được chọn lựa kĩ càng, giàu tính nhân văn, trong sáng, thanh thoát, phù hợp với tâm lí lứa tuổi. Qua nội dung giáo dục của mỗi bài đọc không chỉ cung cấp cho học sinh hiểu biết về tự nhiên, xã hội, con người trong nước và thế giới mà còn góp phần giáo dục tư tưởng, tình cảm, trau dồi nhân cách cho học sinh. Mặt khác, việc được tiếp xúc thường xuyên với các văn bản đọc sẽ giáo dục lòng ham đọc sách, hình thành và phát triển thói quen làm việc với văn bản, làm việc với sách cho học sinh.

Trong phạm vi nghiên cứu, bài viết tập trung khảo sát cách xung hô trong giao tiếp của trẻ em từ góc độ vai giao tiếp được thể hiện trong các văn bản đọc sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1, 2, 3 bộ “Kết nối tri thức với cuộc sống”.

2. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VỀ XUNG HỒ VÀ VAI GIAO TIẾP

2.1. Từ xưng hô là đối tượng được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu và được nghiên cứu ở nhiều ngôn ngữ khác nhau, bởi không có một ngôn ngữ nào lại không có sự hiện diện của lớp từ ngữ này trong giao tiếp. Việc nghiên cứu từ xưng hô được diễn ra trên nhiều bình diện hoặc với các hướng tiếp cận khác nhau như: ngữ pháp, cấu trúc, xã hội học - ngôn ngữ, ngữ dụng học, so sánh - đối chiếu và dịch thuật,... Bên cạnh đó, đã có không ít các công trình nghiên cứu từ xưng hô tiếng Việt trong các tác phẩm văn học. Đây là một hướng khai thác từ xưng hô gián tiếp qua lăng kính của các nhà văn, nhà thơ ở nhiều thời kỳ khác nhau. Như vậy, việc nghiên cứu từ xưng hô đã được các nhà Việt ngữ quan tâm nhưng theo những tài liệu mà tôi có dịp tìm hiểu thì chưa có công trình nào đi sâu tìm hiểu từ xưng hô của trẻ em trong các văn bản đọc sách giáo khoa phổ thông. Kế thừa những thành tựu của các công trình nghiên cứu trên, tôi đi vào việc tìm hiểu từ xưng hô trong giao tiếp của trẻ em nhìn từ góc độ vai giao tiếp (qua các văn bản đọc sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1,2,3 bộ Kết nối tri thức với cuộc sống).

2.2. Xưng hô là “tự xưng mình và gọi người khác là gì đó khi nói với nhau”[10]. Theo định nghĩa trên, xưng hô gồm hai vai giao tiếp: tự xưng vai giao tiếp của mình (xưng) và gọi vai người giao tiếp với mình (hô). Như vậy trong giao tiếp sẽ có hai kiểu quan hệ: a) Quan hệ tương ứng giữa xưng

và hô: nếu tôi xưng là X thì tôi sẽ gọi người giao tiếp tương ứng với mình là Y. Đây là kiểu quan hệ tương ứng, ví dụ: *anh-em, chị-em, bố-con, chú -cháu*; b) Quan hệ không tương ứng giữa xưng và hô: Tôi xưng là X nhưng tôi lại không gọi người giao tiếp với mình là Y mà là Z, ví dụ: *chú-em, tôi-ông*.

Từ thực tiễn nghiên cứu, tác giả Nguyễn Văn Khang đưa ra các kiểu xưng hô thường gặp trong giao tiếp như sau: A/ *Xưng hô bằng họ + tên*, gồm: (1) Xưng hô bằng tên; (2) Xưng hô bằng họ; (3) Xưng hô bằng tên đệm + tên; (4) Xưng hô bằng họ + tên; (5) Xưng hô bằng họ + tên đệm + tên; B/ *Xưng hô bằng tất các từ dùng để xưng hô*, gồm: (6) các đại từ nhân xưng; (7) Các từ thân tộc dùng làm từ xưng hô; (8) Các từ khác được dùng làm từ xưng hô; C/ *Xưng hô bằng các chức danh*, gồm: (9) Gọi bằng một trong các chức danh; (10) Gọi bằng nhiều hoặc tất cả các chức danh; D/ *Xưng hô bằng tên của người thân thuộc như tên của chồng, vợ, con (cách gọi thay vai)*: (11) Gọi tên của người thân thuộc (chồng, vợ, con); E/ *Xưng hô bằng sự kết hợp (1), (2), (3), (4)*; (12) Gọi bằng các kết hợp khác nhau (thí dụ: chức danh + tên, chức danh + họ tên, từ xưng hô + họ tên/ tên); F/ *Xưng hô bằng sự khuyết vắng từ xưng hô*: (13) Không xuất hiện từ xưng hô trong giao tiếp (khuyết vắng từ xưng hô) [7, tr.362].

2.3. Trong một cuộc giao tiếp có rất nhiều các nhân tố như: *nhân vật giao tiếp*,

hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp... Mỗi nhân tố có vị trí và vai trò khác nhau, chẳng hạn: nhân vật giao tiếp là những người tham gia vào cuộc giao tiếp, dùng ngôn ngữ tạo ra lời nói và tác động đến nhau. Giữa các nhân vật giao tiếp tồn tại các quan hệ: quan hệ vai giao tiếp và quan hệ liên nhân. Quan hệ vai giao tiếp định ra giữa các nhân vật có sự phân định vai phát/ vai nói (viết) và vai nhận/ vai nghe (đọc). Quan hệ liên nhân thể hiện: vị thế xã hội/ quyền uy, mức độ thân cận/ khoảng cách và tình cảm giữa các vai giao tiếp trong quá trình giao tiếp. Theo đó, tác giả Nguyễn Văn Khang nhận định: “Với tư cách là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội, là một thực thể đa chức năng, mỗi một người có rất nhiều vai từ gia đình đến xã hội... Tất cả những mối quan hệ đan xen ấy làm nên một mạng các quan hệ với rất nhiều vai khác nhau” [7, tr. 371]. Điều này đồng nghĩa với việc: Cá nhân có mối quan hệ càng sâu rộng thì vai của cá nhân đó mang càng phong phú.

2.4. Mỗi cá nhân bao giờ cũng có một bộ vai xã hội - mỗi vai phản ánh quan hệ ứng xử xã hội và tạo thành các cặp vai. Trong từng cặp vai, mỗi cặp vai lựa chọn cho mình một mã ngôn ngữ riêng và mã ngôn ngữ này không nhất thiết có định mà có sự vận động khi nhân vật giao tiếp chuyển vai. Hiện tượng chuyển vai xã hội sẽ kéo theo các đơn vị ngôn ngữ thuộc các cấp độ có sự thay đổi và thỏa đáng với tình huống. Tương tác giao tiếp của trẻ em trong các văn bản đọc sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1, 2, 3

tuy là sản phẩm thuộc phong cách viết nhưng có tính tích hợp phong cách nói và viết thành dạng đặc thù: giao tiếp nghệ thuật. Vì vậy, ngôn ngữ của trẻ em thể hiện một cách sinh động hoạt động giao tiếp của trẻ em trong xã hội thông qua sự sáng tạo của nhà văn.

3. KẾT QUẢ KHẢO SÁT VÀ THẢO LUẬN

Khảo sát 123 cuộc thoại giữa nhân vật trẻ em với các nhân vật trong các văn bản đọc sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1, 2, 3 bộ “Kết nối tri thức với cuộc sống”, xác định: 66 cuộc thoại giữa nhân vật trẻ em với nhân vật người lớn (xác lập cặp vai trên - vai dưới); 57 cuộc thoại giữa các nhân vật trẻ em với trẻ em (xác lập cặp vai ngang).

Giao tiếp giữa trẻ em và người lớn được xác định là các cuộc giao tiếp giữa những nhân vật (từ 16 tuổi trở lên) với trẻ em. Do đặc trưng loại hình văn bản dành cho trẻ em nên các nhân vật là con vật đã được nhân hóa đều được coi như con người. Theo đó, con vật cũng được chia thành vai trên - vai dưới hoặc vai ngang.

Dựa trên kết quả, bài viết tiến hành xác định, phân loại và thảo luận về xung hô của các cặp vai trên.

3.1. Từ ngữ xung hô của cặp vai người lớn - trẻ em (cặp vai trên - vai dưới)

Khảo sát 57 cuộc thoại giữa nhân vật người lớn và trẻ em, bài viết xác định các từ ngữ xung hô thuộc cặp vai này. Kết quả như sau:

Bảng 1. Từ ngữ xưng hô của nhân vật người lớn và trẻ em

TT	Từ ngữ xưng hô	Xưng của người lớn và trẻ em			Hô của người lớn và trẻ em		
		Từ ngữ	Số lượng (lượt)	Tỉ lệ (%)	Từ ngữ	Số lượng (lượt)	Tỉ lệ (%)
1	Xưng hô bằng tên		0	0	<i>Mã Lương, Xuân, Hạ, Thu, Quốc Toàn.</i>	5	2.72
2	Xưng hô bằng đại từ nhân xưng	<i>tôi, ta, chúng ta, ...</i>	11	5.98	<i>họ, ta, ai cậu ta, mình, chúng ta, ...</i>	16	8.69
3	Xưng hô bằng danh từ thân tộc	<i>bố, mẹ, ông bà, cháu, em, chúng cháu, con...</i>	41	22.28	<i>ông, bà, bố, mẹ, bác, cô, chị, anh, con, ...</i>	80	43.48
4	Xưng hô bằng từ khác	<i>trẻ con</i>	1	0.54	<i>các bạn, bạn...</i>	8	4.34
5	Xưng hô bằng sự kết hợp khác		0	0	<i>các bạn ấy, các bác nông dân, các bạn nhỏ, trẻ ở nông thôn, trẻ thành phố, hai con, bác Kiên đáng kính...</i>	17	9.24
6	Xưng hô bằng chức danh		0	0	<i>Trời, Bệ hạ, vua, bác sĩ, thầy</i>	5	2.72
Tổng			53	28.81		131	71.19

Kết quả thống kê tại Bảng 1 cho thấy: Nhân vật trẻ em và người lớn khi xưng hô sử dụng 6 kiểu xưng hô. Cụ thể:

a) Trong xưng, các nhân vật sử dụng 3 kiểu xưng hô, cụ thể: Kiểu xưng hô bằng đại từ nhân xưng, có 11 từ (*tôi, ta, chúng ta, ...*). Kiểu xưng hô bằng

danh từ thân tộc, có 41 từ (*bố, mẹ, ông bà, cháu, em, chúng cháu, con...*). Kiểu xưng hô bằng từ khác, có 1 từ (*trẻ con*). Bài viết nhận thấy không xuất hiện kiểu xưng hô bằng tên, bằng chức danh và bằng sự kết hợp khác.

Các kiểu xưng hô trên được vận dụng linh hoạt trước sự tác động của

các nhân tố giao tiếp như: hoàn cảnh, nội dung, quan hệ,... Chẳng hạn:

Trong phạm vi gia đình, vai giao tiếp của trẻ em chịu sự chi phối của các mối quan hệ gia đình và xác định cặp vai trên - vai dưới. Kiểu xưng hô thường sử dụng là: kiểu xưng hô bằng danh từ thân tộc. Ngoài ra, trẻ em còn sử dụng kiểu xưng hô bằng từ khác và bằng đại từ nhân xưng. Các cách xưng hô này không chỉ góp phần thể hiện tâm tư, tình cảm, thái độ của trẻ em mà còn thể hiện văn hóa trong giao tiếp gia đình của người Việt. Chẳng hạn:

Xưng hô trong phạm vi gia đình với cặp vai trên (bà) - vai dưới (cháu). Trên trục phân cấp vị thế: vai trên (bà) cách vai dưới (cháu) 2 bậc. Trẻ em thường sử dụng cách xưng hô: bà - cháu; bà - con.

Ví dụ 1:

“Một buổi sáng, khi đang dạo chơi trên đồng cỏ, Na cảm thấy nắng sưởi ấm mái tóc mình và nhảy nhót trên vạt áo. Cô bé vui mừng reo lên:

- Mình sẽ bắt nắng trên vạt áo mang về cho bà.

Nghĩ vậy, cô bé chạy ùa vào phòng bà:

*- Bà ơi! Bà nhìn này! **Cháu** mang ít nắng về cho bà đây! - Cô bé reo lên và xỏ vạt áo ra nhưng chẳng có tia nắng nào ở đó cả.*

- Kìa, nắng long lanh trong ánh mắt cháu và rục lên trên mái tóc của cháu đây này. - Bà nội trêu mếu nhìn cô bé.”

[“Tia nắng bé nhỏ”, TV 3, tập 1, tr. 97]

Ở ví dụ 1, các từ xưng hô “bà”, “cháu” thể hiện trong tương tác giao tiếp giữa bà nội và Na, trong đó bà nội thuộc vai trên còn Na thuộc vai dưới - cách nhau 2 thế hệ. Cách xưng hô này thể hiện tình cảm thân thiết, yêu thương giữa các thành viên trong gia đình. Đây là cách thông thường trong giao tiếp của người Việt trong tương quan vai trên và vai dưới cách nhau 2 thế hệ.

Trong phạm vi xã hội, trẻ em có 2 môi trường lớn: nhà trường và cộng đồng xã hội. Thuộc phạm vi nhà trường, tương tác vai của trẻ em theo hướng xác lập cặp vai trên - vai dưới trong mỗi quan hệ thầy - trò; học sinh lớp trên - với học sinh lớp dưới. Các kiểu xưng hô được sử dụng điển hình là kiểu xưng hô bằng chức danh: em - thầy; em - cô;...

Ví dụ 2.

Thầy giáo nói: “Chúng ta cần học cách giao tiếp tự tin. Vì thế hôm nay chúng ta sẽ tập nói trước lớp về bất cứ điều gì mình thích.”.

Quang được mời lên nói đầu tiên. Cậu lúng túng, đỏ mặt. Quang cảm thấy nói với bạn bên cạnh thì dễ, nhưng nói trước cả lớp thì sao mà khó thế. Thầy bảo: “Sáng nay ngủ dậy, em đã làm gì? Em cố nhớ xem.”.

*Quang ngập ngừng, vừa nói vừa gãi đầu: “Thưa **thầy, em...**”*

Thầy giáo nhắc: “Rồi gì nữa?”

*Quang lại gãi đầu: “À...ờ...**Em** ngủ dậy.”.*

[“Một giờ học”, TV2, Tập 1, tr. 27]

Cách xưng hô “thầy” - “em” thể hiện mối quan hệ trên dưới với vai trên là thầy, vai dưới là trò trong phạm vi trường học. Đây là cặp xưng hô xuất hiện nhiều trong tương tác xã hội của trẻ em Việt Nam.

b) Trong hô gọi, các nhân vật sử dụng 6 kiểu xưng hô, cụ thể:

1/ Bằng tên (có 5 từ ngữ): *Mã Lương, Xuân, Hạ, Thu, Quốc Toàn*;

2/ Bằng đại từ nhân xưng (có 16 từ ngữ): *họ, ta, ai cậu ta, mình, chúng ta, ...*;

3/ Bằng danh từ thân tộc (có 80 từ ngữ): *ông, bà, bố, mẹ, bác, cô, chị, anh, con, ...*;

4/ Bằng từ khác (có 8 từ): *các bạn, bạn....*

5/ Bằng sự kết hợp khác (có 17 từ ngữ): *các bạn ấy, các bác nông dân, các bạn nhỏ, trẻ ở nông thôn, trẻ thành phố, hai con, bác Kiến đáng kính....*;

6/ Bằng từ ngữ chỉ chức danh (có 5 từ ngữ): *Trời, Bộ hạ, vua, bác sĩ, thầy.*

Tương ứng với xưng, khi hô gọi trẻ em có sự lựa chọn các từ hô gọi ứng với từ xưng. Nói cách khác, cách hô gọi của trẻ và cách xưng tạo thành 1 cặp tương đồng. Chẳng hạn:

Ví dụ 3:

Ngày đầu đi học, Nam hồi hộp lắm. Mẹ nhẹ nhàng đặt một nụ hôn vào bàn tay Nam và dặn:

- Mỗi khi lo lắng, con hãy áp bàn tay này lên má. Mẹ lúc nào cũng ở bên con.

Nam cảm thấy thật ấm áp. Cậu im lặng rồi đột nhiên mỉm cười:

- Mẹ đưa tay cho con nào!

Nam đặt một nụ hôn vào tay mẹ rồi thử thì:

- Bây giờ thì mẹ cũng có nụ hôn trên bàn tay rồi. Con yêu mẹ!

Nam chào mẹ và tung tăng bước vào lớp.

[“Nụ hôn trên bàn tay”, TV 1, tập 2, tr.24-25]

Cặp vai trên (mẹ) - vai dưới (con) sử dụng cách hô gọi “mẹ” ứng với cách xưng “con” thể hiện mối quan hệ trong gia đình - mối quan hệ huyết thống giữa các thành viên cách nhau 1 thế hệ. Đây cũng là cách xưng hô thể hiện tình cảm gia đình đậm đà.

Khác với hô gọi trong gia đình, hô gọi trong phạm vi xã hội của trẻ xuất hiện theo xu hướng: lịch sự, tôn trọng.

Ví dụ 4:

*Ê-đi-xon lo lắng. Thấy mẹ đau đớn, cậu méo máo: “Xin **bác sĩ** cứu mẹ **cháu!**”. Bác sĩ ái ngại nói: “Đủ ánh sáng, bác mới mổ được cháu ạ!”*

[“Ánh sáng của yêu thương”, TV 2, Tập 1, tr.130]

Trong ví dụ này, cặp vai trên (bác sĩ) và vai dưới (Ê-đi-xon) thiết lập cặp vai trong quan hệ xã hội thông thường - tuân thủ quy tắc tuổi tác, vị thế để xác lập cặp vai. Bác sĩ đến nhà của Ê-đi-xon để khám bệnh cho mẹ cậu. Ê-đi-xon đã dùng danh từ thân tộc “cháu” để xưng hô

và sử dụng từ xưng hô bằng chức danh “bác sĩ” để gọi với mong muốn khẩn khoản là bác sĩ hãy cứu mẹ của cậu.

Số lượng từ ngữ hô gọi trong kiểu hô gọi bằng sự kết hợp khác có số lượng lớn thứ hai trong các kiểu xưng hô được trẻ em sử dụng để hô gọi: 17/131 từ ngữ, chiếm 9.24 %. Kiểu sử dụng từ ngữ xưng hô này thể hiện phạm vi tương tác của trẻ em có sự mở rộng và thể hiện cảm xúc cá nhân của trẻ.

Ví dụ 5:

Minh ríu rít bên mẹ:

- Mẹ ơi, con thấy quả trên cây đều chín hết cả rồi. Các bạn ấy đang mong có người đến hái đấy. Nhìn quả chín ngon thế này, chắc các bác nông dân vui lắm mẹ nhỉ?

[“Mùa vàng”, TV 2, Tập 2, tr.26 -27]

Ví dụ trên xác lập vai trên (mẹ) - vai dưới (Minh) thông qua cách hô bằng danh từ thân tộc “Mẹ ơi” của Minh. Đặc biệt qua cách sử dụng kiểu hô gọi bằng sự kết hợp khác: “các bạn ấy”, “các bác nông dân” chúng ta thấy được tình cảm

tôn trọng của em với những người nông dân làm ra hạt gạo và cách nhìn ngây thơ “vật hóa” của trẻ qua cách gọi “các bạn ấy” thay cho những quả trên cây đã chín hết.

Như vậy, khi xem xét xưng hô của trẻ em với người lớn có thể thấy: nhân vật trẻ em sử dụng khá đa dạng các kiểu xưng hô trong cả xưng và hô. Bên cạnh việc sử dụng các kiểu xưng hô bằng đại từ nhân xưng, bằng danh từ thân tộc, bằng tên, bằng các từ khác, bằng chức danh, bằng các kết hợp khác, ... ở mức độ thông thường và phổ quát thì trong từng trường hợp, gắn với từng đối tượng và chịu tác động của các nhân tố xã hội mà cách sử dụng từ ngữ xưng hô khác nhau. Điểm nổi bật trong xưng hô của trẻ với người lớn là: kiểu xưng hô bằng các danh từ thân tộc xuất hiện với số lượng lớn.

3.2. Xưng hô của nhân vật trẻ em và trẻ em (cặp vai ngang)

Khảo sát 66 cuộc thoại giữa nhân vật trẻ em và trẻ em (cặp vai ngang), bài viết xác định các từ ngữ xưng hô thuộc cặp vai này. Kết quả thu được:

Bảng 2. Từ ngữ xưng hô của nhân vật trẻ em và trẻ em

TT	Từ ngữ xưng hô	Xưng của trẻ em và trẻ em			Hô của trẻ em và trẻ em		
		Từ ngữ	Số lượng (lượt)	Tỉ lệ (%)	Từ ngữ	Số lượng (lượt)	Tỉ lệ (%)
1	Xưng hô bằng tên	Hải, Thắng	2	0.85	Minh, Gấu, Sóc, Cào Cào...	13	5.53

2	Xung hô bằng đại từ nhân xưng	<i>ta, tôi, tớ, mình, người...</i>	62	26.38	<i>chúng mình, cậu, ai, họ, người, mọi người,...</i>	55	23.40
3	Xung hô bằng danh từ thân tộc	<i>anh, chị, em,...</i>	20	8.51	<i>bố mẹ, mẹ, anh, em,...</i>	32	13.62
4	Xung hô bằng từ khác		0	0	<i>bạn, đứa nào</i>	12	5.10
5	Xung hô bằng sự kết hợp khác	<i>chị em mình, mẹ cháu, đội tớ, cây thì là...</i>	6	2.55	<i>bọn sóc các người, hai chị em, em Thu, em Hạ, anh cua, chị cáo, anh sáu, bố tớ...</i>	28	11.92
6	Xung hô bằng chức danh		0	0	<i>thiếu nhi, thợ đào đất, Thượng Đế, Trời</i>	5	2.13
Tổng			90	38.29		145	61.70

Kết quả khảo sát tại Bảng 2 cho phép nhận định: Nhân vật trẻ em sử dụng 6 kiểu xung hô trong giao tiếp, cụ thể:

a) Trong xung, trẻ em sử dụng 4 kiểu xung hô, cụ thể: Kiểu xung hô bằng tên, có 2 từ (*Hải, Thắng*). Kiểu xung hô bằng đại từ nhân xưng, có 62 từ (*ta, tôi, tớ, mình, người...*). Kiểu xung hô bằng danh từ thân tộc, có 20 từ (*anh, chị, em,...*). Kiểu xung hô bằng sự kết hợp khác, có 6 từ (*chị em mình, mẹ cháu, đội tớ, cây thì là...*). Bài viết không thấy xuất hiện kiểu xung hô bằng từ chỉ chức danh và bằng các từ khác.

Các cặp vai ngang của trẻ em xuất hiện trong tương tác của trẻ thuộc 2 môi trường: gia đình và xã hội. Trong gia đình, cặp vai ngang của trẻ thiết lập trong mối quan hệ đồng hàng - cùng thế hệ.

Ngoài xã hội, cặp vai này thể hiện ở sự tương đồng về độ tuổi, quan hệ thân - sơ, sở thích, thói quen,.. Ở mỗi phạm vi, tương tác vai của trẻ em trải dài theo các cực: yêu thương, trân trọng, thân mật,

chân tình cho đến suồng sã. Trong ngữ liệu khảo sát, bài viết không thấy xuất hiện trạng thái khinh miệt trong tương tác giao tiếp của cặp vai trẻ em - trẻ em.

Trong phạm vi gia đình, kiểu xung hô của vai trẻ em thường sử dụng: kiểu danh từ thân tộc, kiểu xung hô bằng đại từ nhân xưng, kiểu xung hô bằng sự kết hợp khác,...

Ví dụ 6:

Đêm đông, gió ù ù lùa vào nhà, Nét vòng tay ôm em:

- **Em rét không?**

Na ôm choàng lấy chị, cười rúc rích:

- **Ấm quá!**

Nét ôm em chặt hơn, thăm thì:

- **Mẹ bảo *chị em mình* là hai bông hoa hồng, *chị* là bông to, **em** là bông nhỏ. *Chị em mình* mãi mãi bên nhau nhé!**

[“Sự tích hoa tí muội, TV 2, tập 1, tr.109]

Ở ví dụ 6, cặp vai ngang cùng thể hệ được cụ thể hóa bằng cặp vai “chị” - “em” trong phạm vi gia đình và các danh từ thân tộc như từ xưng “chị”, gọi “em” thể hiện trong tương tác rất rõ. Trong đó, người chị sử dụng từ ngữ xưng hô “chị” thể hiện mình ở vai trên. Đặc biệt cách xưng hô bằng các kết hợp khác của người chị: “chị em mình” thể hiện sự thân mật, sự yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Đây cũng là cách xưng hô thường thấy trong tương tác giao tiếp của trẻ em người Việt.

Trong phạm vi xã hội, cặp vai ngang (trẻ em - trẻ em) thường sử dụng kiểu xưng hô bằng tên, bằng đại từ nhân xưng, bằng từ danh từ chỉ thân tộc,... Đặc biệt, kiểu xưng hô bằng kết hợp khác xuất hiện phản ánh trạng thái tâm lý ý thức vai trò, vị trí của trẻ em trong cộng đồng.

Ví dụ 7:

- **Cậu** có biết con gì đấy không?

Thắng giật mình ngẩng lên nhìn, thấy một bạn trai đang đứng cười. Thắng cũng cười làm quen:

- Con gì mà chạy nhanh thế nhỉ?

- Con còng gió, **cậu** không biết sao?

- Không, bây giờ tớ mới được ra biển. Thế tên **cậu** là gì?

- Tớ là **Hải**. Còn tên **cậu**?

- Tớ là **Thắng**. Nhà tớ ở Hà Nội.

Nghỉ hè, tớ được bố cho vào Quy Nhơn thăm bác tớ.

[“Lần đầu ra biển”, TV 3, tập 1, tr. 22]

Trong ví dụ 7, xuất hiện 2 nhân vật

với cặp vai ngang dựa theo tuổi tác. Vì vậy, trong cuộc thoại này xuất hiện xưng hô với các kiểu xưng hô đặc trưng: 1/ Cặp xưng hô sử dụng đại từ nhân xưng “cậu” - “tớ” xuất hiện trong tương quan vai ngang. Cặp xưng hô này thể hiện sự thân mật, suồng sã và đặc trưng trong mối quan hệ bạn bè với nhau; 2/ Cặp xưng hô bằng tên “Hải” - “Thắng” là cặp xưng hô xuất hiện ở vai ngang khi các em muốn làm quen với nhau. Đây là cách xưng hô thể hiện yếu tố lịch sự ở trẻ khi mới biết nhau.

Ví dụ 8:

Một hôm, đến sân bóng thấy gấu đang luyện tập, các bạn ngạc nhiên nhìn gấu rồi nói: “Cậu giỏi quá!”, “Này, vào đội tớ nhé!”, “ Vào đội tớ đi!”.

[“Cầu thủ dự bị”, TV2, tập 1, tr.35]

Gấu con do chậm chạp và đá bóng không tốt nên ban đầu không đội nào muốn nhận cậu. Về sau, do chăm chỉ đến sân bóng từ sớm để tập luyện mà cậu đã tiến bộ. Các bạn của gấu (các nhân vật cùng trong độ tuổi xác lập vai ngang) đã sử dụng cặp xưng hô “cậu” - “đội tớ”. Bên cạnh kiểu hô bằng đại từ thường thấy trong các cặp vai ngang của trẻ thì xưng bằng cách kết hợp khác “đội tớ” là cách xưng bao gộp xuất hiện trong giao tiếp có nhiều trẻ em cùng độ tuổi.

b) Trong hô gọi, các nhân vật sử dụng 6 kiểu xưng hô, cụ thể:

1/ Bằng tên (có 13 từ): *Minh, Gấu, Sóc, Cào Cào...*;

2/ Bảng đại từ nhân xưng (có 55 từ): *chúng mình, cậu, ai, họ, người, mọi người, ...*;

3/ Bảng danh từ thân tộc (có 32 từ ngữ): *bố mẹ, mẹ, anh, em, ...*;

4/ Bảng từ khác (có 12 từ): *bạn, đĩa nào*;

5/ Bảng sự kết hợp khác (có 28 từ ngữ): *bọn sóc các người, hai chị em, em Thu, em Hạ, anh của, chị cáo, anh sáu, bố tớ ...*;

6/ Bảng từ chỉ chức danh (có 5 từ ngữ): *thiếu nhi, thợ đào đất, Thượng Đế, Trời*.

Kiểu xưng hô được sử dụng khi hô gọi của cặp vai trẻ em - trẻ em có sự tương ứng với kiểu xưng hô được sử dụng khi xưng. Cách hô gọi tương ứng không chỉ phản ánh cách tư duy trực quan của trẻ em mà còn phản ánh sự thay đổi trong trạng thái tâm lý, thái độ trước các tình huống xảy ra theo diễn tiến của văn bản. Tùy từng hoàn cảnh giao tiếp và nội dung giao tiếp, trẻ em cũng có sự thay đổi về xưng hô.

Trong phạm vi gia đình, cách xưng hô của trẻ em thường có xu hướng thân mật.

Ví dụ 9:

Cả chiều, hai chị em hì hụi chuẩn bị quà sinh nhật cho bố. Tấm thiệp đặc biệt được chị nắn nót viết: (...). Ngắm nghía tấm thiệp, em băn khoăn:

- *Có khi chỉ viết điều tốt thôi. Chị xóa dòng “Nấu ăn không ngon” đi chị!*

- *Ừ. Em thấy viết thế có ít quá không?*

[“Món quà đặc biệt”, TV3, tập 1, tr.86]

Trong ví dụ, hai nhân vật có quan hệ huyết thống - chị em ruột trong gia đình. Các nhân vật trong độ tuổi thiếu nhi xác lập cặp vai ngang cùng thế hệ. Tuy nhiên, dựa theo tuổi tác trong gia đình huyết thống, các nhân vật hình thành cặp vai trên - vai dưới (chị - em). Cặp vai chị - em sử dụng cặp xưng hô “chị” - “em” tương xứng, mang tính trung hòa. Điều này cũng phản ánh mối quan hệ chị - em trong gia đình rất dung hòa.

Khác với cách hô gọi trong gia đình, trong phạm vi xã hội, trẻ em sử dụng chủ yếu kiểu xưng hô bằng đại từ nhân xưng, kiểu xưng hô bằng danh từ thân tộc, kiểu xưng hô bằng cách kết hợp khác. Điều này phản ánh sự thay đổi trong nhận thức của trẻ em cũng như các em đã biết xác định vị thế xã hội của mình.

Ví dụ 10:

... Thấy vậy, cún nói:

- *Chào anh hà mã, anh giúp bọn em qua sông được không ạ?*

- *Được chứ! Em ngoan quá! - Hà mã vui vẻ nói.*

- *Cảm ơn anh! - Cún đáp rồi quay sang nói nhỏ với dê:*

- *Cậu quên lời cô dặn rồi à? Muốn ai đó giúp, phải hỏi một cách lịch sự, còn khi họ giúp mình, phải nói “cảm ơn”!*

[“Cảm ơn anh hà mã”, TV2, tập 2, tr.84 - 85]

Ở ví dụ 10, cặp vai ngang cùng thể hệ được lại cụ thể hóa bằng cặp vai “anh” - “em” và các từ hô gọi “cậu”, “cô”, “ai đó” và “họ” thể hiện trong tương tác phạm vi xã hội rất rõ. Trong đó, nhân vật cún sử dụng từ ngữ xưng “bọn em” và hô gọi “anh hà mã” thể hiện mình ở vai dưới. Nhân vật anh hà mã dùng từ hô gọi “em” mang tính thân mật. Nhưng khi nói với bạn dê, nhân vật cún chuyển cách hô bằng cách dùng đại từ nhân xưng (cậu); gọi các nhân vật ngói thứ 3 bằng *ai đó*, *họ* và danh từ thân tộc *cô*. Điều này thể hiện tính thân mật, lịch sự và có phần nhắc nhở của nhân vật cún với bạn mình. Đây cũng là cách xưng hô thường thấy trong tương tác giao tiếp của trẻ em người Việt.

Ví dụ 11:

Buổi sáng, giun đất bò đến bên cây nấm. Chú nhìn những giọt sương mát lành đọng trên tán nấm và nghiêng cổ uống. Giun đất: “Chiếc bàn xinh xắn ơi, thức uống ở đây thật ngon!”.

Buổi trưa, trời nắng chang chang. Kiến bò đến chân cây nấm, nằm luôn tại đó ngủ trưa. Kiến: “Mái nhà xinh đẹp ơi, ngủ ở đây thật mát”.

[“Những cái tên đáng yêu”, TV3, tập 2, tr.19]

Các nhân vật “giun đất”, “kiến” thuộc cùng lứa tuổi và thiết lập cặp vai ngang với nhân vật “nấm”. Thông qua cách gọi bằng cách kết hợp khác “chiếc bàn xinh xắn” và “mái nhà xinh đẹp” các nhân vật đã phản ánh đặc trưng ngây thơ, hồn nhiên của trẻ em.

Như vậy, từ ngữ hô gọi của nhân vật trẻ em với trẻ em xuất hiện ở 6 kiểu xưng hô. Các từ ngữ hô gọi đặc thù thể hiện đặc tính nhóm tuổi như: *anh, em, chị, cậu, tớ,...* đã góp phần làm rõ đặc điểm ngôn ngữ trong tương tác giao tiếp giữa các nhân vật trẻ em.

4. KẾT LUẬN

Xưng hô của trẻ em thể hiện qua 2 cặp vai: 1/ cặp vai trên - vai dưới; 2/ cặp vai ngang trong 123 cuộc thoại đa dạng và có sự lựa chọn các kiểu xưng hô ứng với từng hoàn cảnh. Bên cạnh các đại từ nhân xưng và danh từ thân tộc được sử dụng ở mức độ thông thường và phổ quát thì cách sử dụng kiểu xưng hô bằng các kết hợp khác thể hiện đặc trưng riêng của trẻ em (*các bạn ấy, hai chị em, em Thu, anh hà mã, đội tớ...*). Cách sử dụng các kiểu xưng hô trên phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, tâm lí, sở thích... của trẻ em. Đồng thời, tùy theo từng hoàn cảnh mà trạng thái tâm lí, sắc thái tình cảm, các mối quan hệ của trẻ em được phản ánh rõ. Đặc biệt, thông qua tương tác xưng hô, toàn bộ đời sống tinh thần, sự hồn nhiên, ngây thơ của trẻ em được thể hiện rõ trong cả 2 phạm vi gia đình và xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo văn bản*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (2007), *Đại cương ngôn ngữ học, tập 2*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

3. Nguyễn Thiện Giáp (2016), *Từ điển khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1999), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Văn Hồng (2012), *Văn học thiếu nhi, nửa thế kỷ một con đường*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
6. Đỗ Việt Hùng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (2014), *Phân tích phong cách ngôn ngữ trong tác phẩm văn học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Khang (2014), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục.
8. Luật bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em (1998), *Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội*.
9. Phương Lưu, Trần Đình Sử, Nguyễn Xuân Nam, Lê Ngọc Trà, La Khắc Hòa, Thành Thế Thái Bình, (2006), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Hoàng Phê (chủ biên) (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm từ điển học.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

11. Bộ sách giáo khoa *Tiếng Việt lớp 1,2,3*, Bộ “*Kết nối tri thức với cuộc sống*”, Nxb Giáo dục Việt Nam.